

CÔNG TY CỔ PHẦN TOA XE HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Hiền	Chủ tịch
Ông Lại Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Sinh	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Võ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lại Ngọc Châu	Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sinh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng thống nhất phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với những nội dung được trình bày từ trang 04 đến trang 20.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị,

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lại Ngọc Châu
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Phạm Văn Hiền".

Phạm Văn Hiền
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 259 /VACOHP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2015, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



(Handwritten signature)

Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1117 - 2013 - 156 - 1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2015



Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1953-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		22.698.503.799	24.342.732.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.026.982.020	7.765.373.534
1. Tiền	111		4.026.982.020	2.665.373.534
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	5.100.000.000
II. Phải thu ngắn hạn	130		7.569.270.623	11.225.530.159
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.533.994.052	10.966.268.917
2. Các khoản phải thu khác	135		35.276.571	259.261.242
III. Hàng tồn kho	140	7	5.070.255.156	5.310.777.858
1. Hàng tồn kho	141		5.070.255.156	5.310.777.858
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.996.000	41.051.000
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		31.996.000	41.051.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		2.041.970.872	2.459.652.550
I. Tài sản cố định	220		1.745.835.263	1.855.203.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.693.653.445	1.855.203.522
- Nguyên giá	222		23.193.012.105	23.055.503.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.499.358.660)	(21.200.300.401)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		52.181.818	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		296.135.609	604.449.028
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	296.135.609	604.449.028
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		24.740.474.671	26.802.385.101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.547.810.032	6.524.336.135
I. Nợ ngắn hạn	310		4.467.510.032	6.524.336.135
1. Phải trả người bán	312		253.253.389	125.970.538
2. Người mua trả tiền trước	313		97.800.300	149.354.396
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	2.171.551.613	1.216.010.708
4. Phải trả công nhân viên	315		1.764.074.085	754.417.785
5. Chi phí phải trả	316		27.272.727	28.636.364
6. Phải trả nội bộ	317		-	2.990.210.208
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		138.131.775	1.055.728.884
8. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320		-	123.061.666
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.426.143	80.945.586
II. Nợ dài hạn	330		80.300.000	-
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		59.000.000	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		21.300.000	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		20.192.664.639	20.278.048.966
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	20.192.664.639	20.278.048.966
1. Vốn điều lệ	411		19.186.730.000	17.442.490.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		79.843.440	1.804.083.440
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		111.600.469	105.200.469
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		814.490.730	926.275.057
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		24.740.474.671	26.802.385.101



Lại Ngọc Châu
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phú Võ
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	34.179.892.126	40.652.572.458
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		34.179.892.126	40.652.572.458
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		30.585.992.220	35.563.811.879
4. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.593.899.906	5.088.760.579
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		275.449.243	115.861.982
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.620.796.336	4.941.518.671
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-25)	30		(751.447.187)	263.103.890
8. Thu nhập khác	31		2.527.925.087	971.929.519
9. Chi phí khác	32		732.259.015	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	13	1.795.666.072	971.929.519
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.044.218.885	1.235.033.409
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	229.728.155	308.758.352
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		814.490.730	926.275.057
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	425	483



Lại Ngọc Châu
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phú Võ
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	40.992.581.245	50.681.583.080
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(27.103.899.208)	(27.537.094.318)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.035.278.200)	(10.835.135.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(48.750.000)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(308.758.352)	(722.578.267)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	937.579.313	860.148.041
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1.606.875.055)	(8.645.632.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.875.349.743	3.752.540.839
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(29.306.000)	(111.552.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	275.449.243	50.629.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	246.143.243	(60.922.018)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(15.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(859.884.500)	(1.395.399.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(859.884.500)	(16.395.399.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	2.261.608.486	(12.703.780.379)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.765.373.534	20.469.153.913
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	10.026.982.020	7.765.373.534



Lại Ngọc Châu
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phú Võ
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Toa xe Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 4044/QĐ-BGTVT ngày 26/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0203002361 ngày 12/06/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 mã số doanh nghiệp 0200170111 ngày 21/08/2014.

Vốn Điều lệ của Công ty là 19.186.730.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 189 người (01 tháng 01 năm 2014 là 190 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Thiết kế, sản xuất, sửa chữa các loại toa xe; Thiết kế sản xuất chi tiết và phụ tùng toa xe; Sản xuất phụ tùng đầu máy; Mua bán toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy toa xe; Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ, rơ moóc; Sản xuất sửa chữa xe có động cơ rơ moóc; Mua bán xe có động cơ rơ moóc, chi tiết và phụ tùng xe có động cơ rơ moóc; Đại lý xăng dầu mỡ bôi trơn; Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng làm việc, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê kho bãi nhà xưởng; Vận tải đa phương thức trong nước, vận tải hành khách hàng hóa bằng ô tô; Dịch vụ khách sạn nhà nghỉ; Dịch vụ ăn uống; Hoạt động thể thao giải trí; Thiết kế mỹ thuật, in ấn, quảng cáo thương mại, đào tạo nghề.

Hoạt động chính của Công ty là: Thiết kế, sản xuất, sửa chữa các loại toa xe; Thiết kế sản xuất chi tiết và phụ tùng toa xe; Sản xuất phụ tùng đầu máy; Mua bán toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy toa xe.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Bên liên quan

Bên liên quan là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam do góp 71,97% Vốn điều lệ; các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến Báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu của Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phát sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31/12/2014, Công ty không có khoản công nợ phải thu nào cần phải xem xét trích lập dự phòng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31/12/2014, Công ty không có hàng tồn kho nào phải xem xét trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	04-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị quản lý	03-06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	171.721.880	190.570.029
Tiền gửi ngân hàng	3.855.260.140	2.474.803.505
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	5.100.000.000
Cộng	10.026.982.020	7.765.373.534

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	4.990.774.708	10.434.092.645
Các đối tượng khác	2.543.219.344	532.176.272
Cộng	7.533.994.052	10.966.268.917

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.525.359.634	4.568.732.822
Công cụ, dụng cụ	91.559.506	128.218.178
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	453.336.016	613.826.858
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.070.255.156	5.310.777.858
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	5.070.255.156	5.310.777.858

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2014	6.795.948.691	12.696.096.061	3.485.227.171	78.232.000	23.055.503.923
Mua trong năm	-	331.818.182	-	-	331.818.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(194.310.000)	-	-	(194.310.000)
Tại 31/12/2014	6.795.948.691	12.833.604.243	3.485.227.171	78.232.000	23.193.012.105
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2014	5.712.512.884	11.924.328.346	3.485.227.171	78.232.000	21.200.300.401
Khấu hao trong năm	196.709.487	296.658.772	-	-	493.368.259
Thanh lý, nhượng bán	-	(194.310.000)	-	-	(194.310.000)
Tại 31/12/2014	5.909.222.371	12.026.677.118	3.485.227.171	78.232.000	21.499.358.660
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	1.083.435.807	771.767.715	-	-	1.855.203.522
Tại 31/12/2014	886.726.320	806.927.125	-	-	1.693.653.445

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.503.177.111 VND (năm 2013: 16.453.163.105 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại 01/01	604.449.028	626.192.936
Tăng trong năm	221.272.679	394.245.549
Tăng khác	-	74.075.977
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(529.586.098)	(490.065.434)
Tại 31/12	296.135.609	604.449.028

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.016.392.458	707.252.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp	229.728.155	308.758.352
Tiền thuê đất	925.431.000	200.000.000
Cộng	2.171.551.613	1.216.010.708

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2013	17.442.490.000	1.644.968.868	111.298.033	1.750.260.293	20.949.017.194
Chia cổ tức	-	-	-	(1.395.399.200)	(1.395.399.200)
Trích lập các quỹ	-	159.114.572	70.000.000	(354.861.093)	(125.746.521)
Lãi trong năm	-	-	-	926.275.057	926.275.057
Giảm khác	-	-	(76.097.564)	-	(76.097.564)
Tại 01/01/2014	17.442.490.000	1.804.083.440	105.200.469	926.275.057	20.278.048.966
Trích lập các quỹ (*)	-	20.000.000	10.000.000	(34.150.557)	(4.150.557)
Chia cổ phiếu thưởng (*)	1.744.240.000	(1.744.240.000)	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(872.124.500)	(872.124.500)
Lãi trong năm	-	-	-	814.490.730	814.490.730
Giảm khác	-	-	(3.600.000)	(20.000.000)	(23.600.000)
Tại 31/12/2014	19.186.730.000	79.843.440	111.600.469	814.490.730	20.192.664.639

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-HĐQT ngày 15/04/2014, Đại hội quyết định trích quỹ Đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính lần lượt là 20.000.000 VND, 10.000.000 VND, quỹ khen thưởng phúc lợi 24.150.557 VND và chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 5% tương ứng 872.124.500 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn Điều lệ

	Vốn đã góp đến			
	31/12/2014		01/01/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	13.808.310.000	71,97%	12.553.010.000	71,97%
Ông Nguyễn Tiến Tình	1.763.510.000	9,19%	1.503.190.000	8,62%
Cổ đông khác	3.614.910.000	18,84%	3.386.290.000	19,41%
Cộng	19.186.730.000	100%	17.442.490.000	100%

12. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu sửa chữa	32.867.710.306	39.246.754.276
Doanh thu khác	1.312.181.820	1.405.818.182
Cộng	34.179.892.126	40.652.572.458

13. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu	2.025.856.367	473.745.247
Thu nhập từ cho thuê địa điểm trông xe	493.200.000	340.000.000
Thu nhập từ Trung tâm TOXECO	-	96.000.000
Thu nhập khác	8.868.720	62.184.272
Cộng thu nhập khác	2.527.925.087	971.929.519
Chi phí khác	732.259.015	-
Cộng chi phí khác	732.259.015	-
Lợi nhuận khác	1.795.666.072	971.929.519

14. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	1.044.218.885	1.235.033.409
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.044.218.885	1.235.033.409
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	229.728.155	308.758.352
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	229.728.155	308.758.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong năm, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Cổ phiếu bình quân đã phát hành đầu năm	1.744.249	1.744.249
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	174.424	174.424
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.918.673	1.918.673

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	814.490.730	926.275.057
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.918.673	1.918.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	425	483

Tình hình phát hành cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.918.673	1.744.249
+ Cổ phiếu phổ thông	1.918.673	1.744.249
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.918.673	1.744.249
+ Cổ phiếu phổ thông	1.918.673	1.744.249
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.070.897.182	21.043.683.442
Chi phí nhân công	11.754.066.056	11.630.479.951
Chi phí công cụ, dụng cụ	529.586.098	587.612.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	521.019.774	786.936.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.855.612	650.830.737
Chi phí bằng tiền khác	5.770.063.834	5.805.787.543
Cộng	35.185.488.556	40.505.330.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và sửa chữa toa xe tại Thành phố Hải Phòng.

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.026.982.020	7.765.373.534
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.569.270.623	11.225.530.159
Tài sản tài chính khác	31.996.000	41.051.000
Tổng cộng	17.628.248.643	19.031.954.693
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	489.185.464	1.331.053.818
Chi phí phải trả	48.572.727	28.636.364
Tổng cộng	537.758.191	1.359.690.182

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND
31/12/2014	
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.026.982.020
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.569.270.623
Tài sản tài chính khác	31.996.000
Tổng cộng	17.628.248.643
31/12/2014	
Phải trả người bán và phải trả khác	412.685.164
Chi phí phải trả	48.572.727
Tổng cộng	461.257.891
Chênh lệch thanh khoản thuần	18.089.506.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND
01/01/2014	
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.765.373.534
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.225.530.159
Tài sản tài chính khác	41.051.000
Tổng cộng	19.031.954.693
01/01/2014	
Phải trả người bán và phải trả khác	1.331.053.818
Chi phí phải trả	28.636.364
Tổng cộng	1.359.690.182
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.391.644.875

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

19. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

Bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất bên liên quan
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Cổ đông lớn - Công ty mẹ
Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	Cùng chịu kiểm soát của Công ty mẹ
Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội	Cùng chịu kiểm soát của Công ty mẹ
Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội-XN vận dụng toa xe hàng Hà Nội	Cùng chịu kiểm soát của Công ty mẹ
Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội-XN vận dụng toa xe khách Hà Nội	Cùng chịu kiểm soát của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV VTHH đường sắt	Cùng chịu kiểm soát của Công ty mẹ
Công ty VTHK Đường sắt Sài Gòn	Cùng chịu kiểm soát của Công ty mẹ

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	1.594.459.830
Tổng Công ty Đường sắt VN-XN sửa chữa Toa xe Hà Nội	-	26.756.000
Công ty TNHH MTV vận tải đường sắt Hà Nội	25.329.230.700	18.449.549.286
XN vận dụng toa xe khách Hà nội	372.523.000	61.642.000
Công ty TNHH MTV VTHH đường sắt	2.753.448.000	-
Công ty VTHK Đường sắt Sài Gòn	493.134.549	11.739.643.000
XN Toa xe Vinh	34.860.000	1.159.161.600
XN sửa chữa toa xe Hà Nội	-	27.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Mua hàng hóa, dịch vụ

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	7.454.545	-
Nhà máy cơ khí Gia Lâm- Tổng Công ty	-	458.412.250
Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà nội-Xí Nghiệp Cao su Đường sắt	572.990.960	-
XN sửa chữa Toa xe Hà nội-Tổng công ty	-	587.317.259
Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội-	139.748.475	160.624.787
XN vận dụng toa xe khách Hà nội		

Chi trả cổ tức

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	627.610.500	1.129.802.404
---------------------------------	-------------	---------------

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	317.562.301
Công ty TNHH MTV vận tải đường sắt Hà Nội	4.389.773.300	3.639.763.600
XN vận dụng toa xe hàng Hà nội-Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội	107.907.800	-
Công ty TNHH MTV VTHH đường sắt	-	5.726.757.044
Công ty VTHK Đường sắt Sài Gòn	493.093.608	-
Phải trả thương mại		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.400.000	-
Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà nội-Xí Nghiệp Cao su Đường sắt	78.058.354	34.371.700
XN vận dụng toa xe khách Hà nội	22.899.212	27.200.800
Phải trả khác		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	2.990.210.208
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác		442.126.000
Cộng	-	442.126.000

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



Lại Ngọc Châu
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Phú Võ
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

19 -11- 2015

Số chứng thực: 597/2015/QLYT. Quyển số 01/2015/SCT/B

Người thực hiện chứng thực ký



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Mạnh Toàn

ĐÃ THU LỆ PHÍ

000

CÔNG TY CỔ PHẦN TOA XE HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Hiến	Chủ tịch
Ông Lại Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Sinh	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Võ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lại Ngọc Châu	Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sinh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng thống nhất phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 với những nội dung được trình bày từ trang 06 đến trang 20.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị,

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



Lại Ngọc Châu
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2014



Phạm Văn Hiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 137 / VACOHP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/03/2014, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ


Tại ngày 31/12/2013, Công ty thực hiện kiểm kê không đầy đủ bán thành phẩm dở dang do vậy chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê sản phẩm dở dang của Công ty. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng không thu thập được chi tiết tính giá xuất kho nguyên vật liệu hàng tháng. Do bản chất của việc hạch toán kế toán, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị của bán thành phẩm dở dang và nguyên vật liệu tại ngày 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Tại ngày 31/12/2013, trên Bảng cân đối kế toán, Công ty đang trình bày khoản mục "Phải trả nội bộ" với số tiền là 2.990.210.208 VND là công nợ phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Nếu trình bày theo chuẩn mực kế toán thì khoản nợ phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam sẽ trình bày trên mục "Phải trả người bán".

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lương Thị Thúy
Phó Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1148-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2014



Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1953-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		24.342.732.551	48.848.363.860
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.765.373.534	20.469.153.913
1. Tiền	111		2.665.373.534	1.469.153.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.100.000.000	19.000.000.000
II. Phải thu ngắn hạn	130		11.225.530.159	22.085.754.858
1. Phải thu khách hàng	131	6	10.966.268.917	21.825.005.530
2. Các khoản phải thu khác	135		259.261.242	260.749.328
III. Hàng tồn kho	140	7	5.310.777.858	6.262.964.089
1. Hàng tồn kho	141		5.310.777.858	6.262.964.089
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.051.000	30.491.000
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		41.051.000	30.491.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		2.459.652.550	3.340.829.239
I. Tài sản cố định	220		1.855.203.522	2.714.636.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.855.203.522	2.692.636.303
- Nguyên giá	222		23.055.503.923	23.913.314.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.200.300.401)	(21.220.678.102)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	22.000.000
- Nguyên giá	228		-	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(28.000.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		604.449.028	626.192.936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	604.449.028	626.192.936
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.802.385.101	52.189.193.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.524.336.135	31.240.175.905
I. Nợ ngắn hạn	310		6.524.336.135	31.228.175.905
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	-	15.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		125.970.538	7.374.621.809
3. Người mua trả tiền trước	313		149.354.396	149.354.396
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.216.010.708	2.144.181.805
5. Phải trả công nhân viên	315		754.417.785	2.782.498.085
6. Chi phí phải trả	316		28.636.364	28.636.364
7. Phải trả nội bộ	317	12	2.990.210.208	3.038.110.208
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.055.728.884	561.012.507
9. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320	14	123.061.666	123.061.666
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		80.945.586	26.699.065
II. Nợ dài hạn	330		-	12.000.000
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	12.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		20.278.048.966	20.949.017.194
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	20.278.048.966	20.949.017.194
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.442.490.000	17.442.490.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.804.083.440	1.644.968.868
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		105.200.469	111.298.033
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		926.275.057	1.750.260.293
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.802.385.101	52.189.193.099



Lại Ngọc Châu
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Phú Võ
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		40.652.572.458	34.772.532.086
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		40.652.572.458	34.772.532.086
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		35.563.811.879	31.243.785.826
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.088.760.579	3.528.746.260
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	115.861.982	677.036.246
6. Chi phí tài chính	22		-	48.750.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.941.518.671	3.984.071.010
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		263.103.890	172.961.496
9. Thu nhập khác	31		971.929.519	1.954.366.132
10. Chi phí khác	32		-	5.800.000
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	17	971.929.519	1.948.566.132
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.235.033.409	2.121.527.628
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	308.758.352	371.267.335
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		926.275.057	1.750.260.293
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	531	1.003



Lại Ngọc Châu
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Phú Võ
Kê toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	50.681.583.080	67.211.908.656
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(28.932.493.518)	(57.126.046.216)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.835.135.000)	(9.846.286.800)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(48.750.000)	-
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(722.578.267)	(1.119.550)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	860.148.041	1.612.115.300
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(8.645.632.697)	(8.471.815.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.357.141.639	(6.621.244.319)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(111.552.000)	(147.897.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.629.982	432.987.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.922.018)	285.090.635
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	15.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.000.000.000)	15.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(12.703.780.379)	8.663.846.316
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.469.153.913	11.805.307.597
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	7.765.373.534	20.469.153.913



Lại Ngọc Châu
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Phú Võ
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Toa xe Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 4044/QĐ-BGTVT ngày 26/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0203002361 ngày 12/06/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 1 ngày 26/10/2007.

Vốn Điều lệ của Công ty là 17.442.490.000 đồng. Danh sách cổ đông chính tại ngày 31/12/2013 như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.255.301	12.553.010.000	71,97
Ông Nguyễn Tiến Tinh	150.319	1.503.190.000	8,62
Cổ đông khác	338.629	3.386.290.000	19,41
Cộng	1.744.249	17.442.490.000	100

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 190 người (01 tháng 01 năm 2013 là 205 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Thiết kế, sản xuất, sửa chữa các loại toa xe; Thiết kế sản xuất chi tiết và phụ tùng toa xe; Sản xuất phụ tùng đầu máy; Mua bán toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy toa xe; Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ, rơ moóc; Sản xuất sửa chữa xe có động cơ rơ moóc; Mua bán xe có động cơ rơ moóc, chi tiết và phụ tùng xe có động cơ rơ moóc; Đại lý xăng dầu mỡ bôi trơn; Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng làm việc, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê kho bãi nhà xưởng; Vận tải đa phương thức trong nước, vận tải hành khách hàng hóa bằng ô tô; Dịch vụ khách sạn nhà nghỉ; Dịch vụ ăn uống; Hoạt động thể thao giải trí; Thiết kế mỹ thuật, in ấn, quảng cáo thương mại, đào tạo nghề.

Hoạt động chính của Công ty là: Thiết kế, sản xuất, sửa chữa các loại toa xe; Thiết kế sản xuất chi tiết và phụ tùng toa xe; Sản xuất phụ tùng đầu máy; Mua bán toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy toa xe.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Bên liên quan

Bên liên quan là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam do góp 71,97% Vốn điều lệ; các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu của Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phát sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31/12/2013, Công ty không có khoản công nợ phải thu nào cần phải xem xét trích lập dự phòng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31/12/2013, Công ty không có hàng tồn kho nào phải xem xét trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	04-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị quản lý	03-06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	190.570.029	172.262.429
Tiền gửi ngân hàng	2.474.803.505	1.296.891.484
Các khoản tương đương tiền (*)	5.100.000.000	19.000.000.000
Cộng	7.765.373.534	20.469.153.913

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty VTHK Đường Sắt Hà Nội	3.639.763.600	5.911.128.400
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	946.841.022	799.593.851
Công ty TNHH MTV VTHH đường sắt	5.726.757.044	10.313.149.744
Đường sắt Việt nam	317.562.301	3.910.882.453
Các đối tượng khác	335.344.950	890.251.082
Cộng	10.966.268.917	21.825.005.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.568.732.822	4.829.277.824
Công cụ, dụng cụ	128.218.178	110.658.176
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	613.826.858	1.323.028.089
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.310.777.858	6.262.964.089
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	5.310.777.858	6.262.964.089

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	6.828.385.032	13.238.661.061	3.485.227.171	361.041.141	23.913.314.405
Mua trong năm	-	19.180.000	-	-	19.180.000
Giảm trong năm	(32.436.341)	(561.745.000)	-	(282.809.141)	(876.990.482)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(206.358.686)	(206.358.686)
<i>Giảm khác (*)</i>	(32.436.341)	(561.745.000)	-	(76.450.455)	(670.631.796)
Tại ngày 31/12/2013	6.795.948.691	12.696.096.061	3.485.227.171	78.232.000	23.055.503.923
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	5.537.155.537	11.848.094.435	3.485.227.171	350.200.959	21.220.678.102
Khấu hao trong năm	203.369.088	572.652.625	-	6.515.091	782.536.804
Giảm trong năm	(28.011.741)	(496.418.714)	-	(278.484.050)	(802.914.505)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(206.358.686)	(206.358.686)
<i>Giảm khác (*)</i>	(28.011.741)	(496.418.714)	-	(72.125.364)	(596.555.819)
Tại ngày 31/12/2013	5.712.512.884	11.924.328.346	3.485.227.171	78.232.000	21.200.300.401
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	1.291.229.495	1.390.566.626	-	10.840.182	2.692.636.303
Tại ngày 31/12/2013	1.083.435.807	771.767.715	-	-	1.855.203.522

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.453.163.105 VND (năm 2012: 15.434.089.967 VND).

(*) Điều chỉnh theo Thông tư số 45/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại 01/01	626.192.936	228.864.892
Tăng trong năm	394.245.549	602.861.487
Tăng khác (*)	74.075.977	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(490.065.434)	(205.533.443)
Tại 31/12	604.449.028	626.192.936

(*) Điều chỉnh giá trị còn lại của các tài sản không đủ giá trị ghi nhận là tài sản.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	-	15.000.000.000
Cộng	-	15.000.000.000

(*) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-TL, ngày 20/12/2012 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Theo đó, lãi suất khoản vay là 9%/năm, thời hạn vay là 13 ngày, mục đích khoản vay là thanh toán khoản mua hàng hoá. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiết kiệm số VB0084806 kỳ hạn 01 tháng, do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng phát hành, có giá trị 17 tỷ VND. Tại ngày 31/12/2013, khoản vay đã được hoàn trả.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	707.252.356	999.971.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.758.352	674.480.703
Tiền thuê đất	200.000.000	469.729.719
Cộng	1.216.010.708	2.144.181.805

12. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả Đường sắt Việt Nam	2.990.210.208	3.038.110.208
Cộng	2.990.210.208	3.038.110.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.158.798	147.494.700
Hàng tạm nhập trước, HĐ về sau	116.925.000	337.922.407
Tiền lãi phải trả	-	48.750.000
Phải trả NVL	825.638.936	-
Khoản phải trả khác	6.150	26.845.400
Cộng	1.055.728.884	561.012.507

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	123.061.666	123.061.666
Cộng	123.061.666	123.061.666

Công ty có nghĩa vụ bảo hành đối với các sản phẩm sửa chữa và đóng mới toa xe theo các hợp đồng đã ký kết với điều khoản bảo hành chi tiết từ 6 tháng đến 12 năm.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2012	17.442.490.000	1.644.968.868	12.417.583	1.727.312.577	20.827.189.028
Chia cổ tức	-	-	-	(1.569.824.100)	(1.569.824.100)
Trích lập các quỹ	-	-	100.000.000	(157.488.477)	(57.488.477)
Lãi trong năm	-	-	-	1.750.260.293	1.750.260.293
Giảm khác	-	-	(1.119.550)	-	(1.119.550)
Tại 01/01/2013	17.442.490.000	1.644.968.868	111.298.033	1.750.260.293	20.949.017.194
Trích lập các quỹ (*)	-	159.114.572	70.000.000	(354.861.093)	(125.746.521)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.395.399.200)	(1.395.399.200)
Lãi trong năm	-	-	-	926.275.057	926.275.057
Giảm khác	-	-	(76.097.564)	-	(76.097.564)
Tại 31/12/2013	17.442.490.000	1.804.083.440	105.200.469	926.275.057	20.278.048.966

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 113/NQ-HĐQT ngày 16/4/2013, Đại hội quyết định trích quỹ Đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính tỷ lệ 0,57%, quỹ khen thưởng phúc lợi tỷ lệ 0,28% và chia cổ tức năm 2012 tỷ lệ 9%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn Điều lệ

	Vốn đã góp đến			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	12.553.010.000	71,97%	12.553.010.000	71,97%
Ông Nguyễn Tiến Tình	1.503.190.000	8,62%	1.473.190.000	8,45%
Cổ đông khác	3.386.290.000	19,41%	3.416.290.000	19,58%
Cộng	17.442.490.000	100%	17.442.490.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu

Cổ phiếu	31/12/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.744.249	1.744.249
+ Cổ phiếu phổ thông	1.744.249	1.744.249
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.744.249	1.744.249
+ Cổ phiếu phổ thông	1.744.249	1.744.249
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.361.982	677.036.246
Cộng	115.361.982	677.036.246

17. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu	473.745.247	1.353.533.545
Thu nhập từ cho thuê địa điểm trông xe	340.000.000	301.509.087
Thu nhập từ thanh lý máy móc	-	132.000.000
Thu nhập từ Trung tâm TOXECO	96.000.000	96.000.000
Thu nhập khác	62.184.272	71.323.500
Cộng thu nhập khác	971.929.519	1.954.366.132
Chi phí khác	-	5.800.000
Cộng chi phí khác	-	5.800.000
Lợi nhuận khác	971.929.519	1.948.566.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	1.235.033.409	2.121.527.628
Lợi nhuận trước thuế	-	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.235.033.409	2.121.527.628
Thu nhập chịu thuế	25%	25%
Thuế suất thông thường	308.758.352	530.381.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(159.114.572)
Ưu đãi giảm 30% năm 2012	308.758.352	371.267.335
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	308.758.352	371.267.335

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	926.275.057	1.750.260.293
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.744.249	1.744.249
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	531	1.003

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.043.683.442	16.344.100.849
Chi phí nhân công	11.630.479.951	12.898.946.824
Chi phí công cụ, dụng cụ	587.612.069	231.355.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	786.936.808	881.551.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	650.830.737	575.400.167
Chi phí bằng tiền khác	5.805.787.543	4.333.979.380
Cộng	40.505.330.550	35.265.334.502

21. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam như sau:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cổ tức đã trả	Cổ đông lớn	-	1.129.802.404
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Cổ đông lớn	-	6.410.882.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với bên liên quan là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu thương mại	-	3.910.882.453
Phải trả nội bộ	2.990.210.208	3.038.110.208
Thu nhập của Ban Giám đốc:		
	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	442.126.000	367.000.000
Cộng	442.126.000	367.000.000

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.



Lại Ngọc Châu
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2014

CHỨNG THỰC
BẢN SƠ LÚNG VỚI BAN CHÍNH

19-11-2015

Số chứng thực: 5.197. Quyển số 01/2015-SCT/T

Người thực hiện chứng thực ký



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Mạnh Toàn

Trần Thị Thu Hiền
Người lập

ĐÃ THU LỆ PHÍ